

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 169/2020/HS-ST

Ngày: 09-6-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Nhung.

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 09-6-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 171/2020/TLST-HS ngày 26-5-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2020/QĐXXST-HS ngày 28-5-2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Đức A, sinh năm 1979 tại tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số nhà B15P2 tập thể V, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang Q và bà Trịnh Thị V; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29-7-2003 Tòa án nhân dân Thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu) tỉnh Bạc Liêu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 28-7-2014 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12 tháng 3 năm 2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:***

Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1971; nơi cư trú: B15P4 tập thể V, phường V,

thành phố N, tỉnh Nam Định.

Ông Phan Lâm H, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà B16P2 tập thể V, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

A Trần Trọng H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 5, P, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

A Nguyễn Đức T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

(bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Đức A không có việc làm ổn định thường xuyên đi lang thang trên các tuyến phố trên địa bàn thành phố N mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Trong ngày 26-4-2019 và ngày 16-01-2020 Đức A đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 26-4-2019, Đức A một mình đi bộ qua nhà số B15P4 khu tập thể V, phường V, thành phố N phát hiện trong sân nhà có dựng xe máy điện màu xanh nhãn hiệu BEFOREALL loại LIBECTA biển kiểm soát MĐ1-14079 chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện (đây là tài sản của chị Trần Thị Đ, sinh năm: 1971, trú tại: B15P4 khu tập thể V, phường V, thành phố N). Quan sát xung quanh không có người qua lại, mọi người trong nhà đang mải xem tivi. Đức A lén lút đi vào trong sân tiến lại gần chiếc xe, nhẹ nhàng gạt chân chống, dắt lùi chiếc xe máy điện trên ra khỏi sân nhà rồi nhanh chóng mở khóa điện tăng ga điều khiển xe đến nhà Hoàng Đức T (sinh năm 1988; trú tại: xóm 1, phường L, thành phố N) thì gặp T và Trần Trọng H (sinh năm 1988, trú tại: Tổ 5 phường L, thành phố N). Đức A nói với T và H là xe của Đức A và nhờ T, H cầm cố hộ. Do không biết chỗ cầm cố nên T không nhận lời, H đồng ý và mang xe đến nhà hàng xóm của H là Trần Anh T (sinh năm: 1979, trú tại: Tổ 5 P, phường L, thành phố N) đặt vấn đề với T đây là xe của người quen muốn đặt lại để vay 4.000.000 đồng. T đồng ý và đưa cho H 4.000.000 đồng. H cầm tiền và quay về nhà T đưa lại toàn bộ cho Đức A.

Sau khi phát hiện bị mất xe, chị Trần Thị Đ đã đến Công an phường V để trình báo sự việc. Do lâu ngày không thấy bạn H đến trả tiền và lấy xe, nghi ngờ

là xe trộm cắp nên ngày 03-3-2020 T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định để giao nộp chiếc xe trên cùng 01 chiếc sạc điện của xe và 01 giấy đăng ký xe máy điện biển kiểm soát MĐ1-14079 (phô tô công chứng) mang tên Trần Thị N (sinh năm 1975, trú tại: B15P4 khu tập thể V, phường V, thành phố N). Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N để điều tra theo thẩm quyền.

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 16-01-2020, Đức A đi bộ một mình đến dãy nhà B16 khu tập thể V, phường V, thành phố N. Quan sát xung quanh các nhà dân đã tắt điện đi ngủ, nhà ông Phan Lâm H (sinh năm 1962) tại địa chỉ: B16P2 khu tập thể V, phường V, thành phố N khóa cửa ngoài, biết trong nhà không có người Đức A trèo lên cột điện hình trụ tròn trước cửa sổ nhà B16P1 đi men theo mái tôn tầng 1 phía trước nhà B16P1, rồi trèo lên lan can chui qua hàng rào tầng 2 vào được trong sân ban công nhà ông H. Tại đây Tuấn A nhặt được một đoạn kim loại dài khoảng 20 cm, hình vuông đặc kích thước khoảng 01 x 01 cm luôn qua khe hở của cánh cửa gỗ tầng 2, dùng lực cạy bung chốt của cánh cửa gỗ mở được cửa vào tầng hai. Khi lên tầng 3 phát hiện trên ban thờ có để một bộ ngũ sự bằng đồng gồm: 01 chiếc đỉnh đồng có Đ kính khoảng 20 cm, cao khoảng 40 cm; 02 chiếc chân nến đồng cao khoảng 40 cm; 02 con hạc đồng cao khoảng 35 cm. Đức A đi xuống tầng 1 lấy được một chiếc làn đan bằng dây nhựa nhiều màu kích thước khoảng 50 x 30 x 40 cm, 01 đoạn dây dù dài khoảng 06 m và 01 tấm vải cũ tối màu rồi quay lên tầng 3 xếp bộ ngũ sự bằng đồng trên vào chiếc làn, chèn tấm vải vào giữa và xách xuống ban công tầng hai buộc dây dù vào quai làn rồi thả chiếc làn từ ban công tầng hai xuống đất và nhanh chóng trèo ra ngoài theo lối cũ. Sau đó, Đức A giấu chiếc làn đựng bộ ngũ sự bằng đồng vừa trộm cắp được ở gầm bàn khu chợ đối diện nhà ông H.

Đến khoảng 03 giờ ngày 17-01-2020, Đức A lấy xe đạp ở nhà đi đến nơi cất giấu chiếc làn đựng bộ ngũ sự bằng đồng trên rồi chờ đi tìm nơi tiêu thụ. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày Đức A đến nhà anh Lê Huy Q (sinh năm 1981, trú tại: Ngõ số 4 đường G, phường T, thành phố N) gặp anh Nguyễn Đức T (sinh năm 1981, trú tại: Thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định) đang ở đó. Đức A nói với anh T đây là tài sản của Đức A đang cần bán. Anh T đồng ý mua của Đức A với giá 1.800.000 đồng. Đối với đoạn kim loại dài khoảng 20 cm dùng để phá khóa cửa, sợi dây dù dài khoảng 06 m và tấm vải tối màu Đức A đã làm mất, Cơ quan điều tra đã tiến hành tìm kiếm nhưng không thu hồi được. Toàn bộ số tiền bán

được chiếc xe máy điện và bộ đồ ngũ sự bằng đồng trên Đức A đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi nhận được đơn trình báo của những người bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã tiến hành điều tra làm rõ các vụ án. Tại Cơ quan điều tra Phạm Đức A đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên. Sau khi làm việc Cơ quan điều tra đã tạm cho Đức A về để củng cố hồ sơ chờ xử lý. Ngày 07-3-2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phạm Đức A về tội “Trộm cắp tài sản” và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam. Do Đức A trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã. Ngày 12-3-2020, Phạm Đức A ra đầu thú.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã triệu tập đối với Hoàng Đức T, Trần Trọng H, Trần Anh T và Nguyễn Đức T. Tại Cơ quan điều tra T, H và T đều khai nhận không biết chiếc xe máy điện biển kiểm soát MĐ1-14079 là do Đức A trộm cắp được mà có. T khai không biết bộ ngũ sự bằng đồng đã mua của Đức A là do trộm cắp được mà có và đã tự giác giao nộp lại toàn bộ ngũ sự trên cho Cơ quan điều tra. H đã trả lại cho T số tiền 4.000.000 đồng, T nhận tiền và không có ý kiến gì. H có đơn yêu cầu Đức A hoàn trả lại cho H số tiền 4.000.000 đồng nêu trên. T có đơn yêu cầu Đức A hoàn trả lại số tiền 1.800.000 đồng đã bỏ ra để mua bộ ngũ sự bằng đồng trên. Hiện Đức A chưa hoàn trả tiền cho H và T.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N kết luận các vật chứng thu giữ trong vụ án có trị giá như sau:

- + Xe máy điện màu xanh nhãn hiệu BEFOREALL loại LIBECTA biển kiểm soát MĐ1-14079 có trị giá: 6.000.000 đồng;

- + Bộ ngũ sự bằng đồng gồm: 01 chiếc đỉnh đồng có đường kính khoảng 20 cm, cao khoảng 40 cm; 02 chiếc chân nến đồng cao khoảng 40 cm; 02 con hạc đồng cao khoảng 35 cm có tổng trị giá 2.530.000 đồng.

Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả cho chị Trần Thị Đ chiếc xe máy điện biển kiểm soát MĐ1-14079, trả lại cho ông Phan Lâm H bộ ngũ sự bằng đồng trên. Bà Đ, ông H nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác. Đối với chiếc làn, sợi dây dù và tấm vải cũ Đức A đã trộm cắp của ông H do đây là tài sản cũ nên ông H đề nghị Cơ quan điều tra không định giá tài sản.

Bản Cáo trạng số 174/CT-VKSTPNĐ ngày 26-5-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Phạm Đức A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Phạm Đức A xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Đức A theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Đức A phạm tội “Trộm cắp tài sản.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Phạm Đức A từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.
- Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho anh Trần Trọng H số tiền 4.000.000 đồng, trả cho anh Nguyễn Đức T số tiền 1.800.000 đồng.
- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Đức A có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng; sơ đồ hiện trường; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26-4-2019 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của của chị Trần Thị Đ chiếc xe máy điện màu xanh nhãn hiệu BEFOREALL loại LIBECTA biển kiểm soát MĐ1-14079 có trị giá: 6.000.000 đồng và ngày 16-01-2020 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của ông Phan Lâm H bộ ngũ sự bằng đồng có trị giá: 2.530.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 8.530.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn

thành phố N; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại để cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại có giá trị 8.530.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Đức A phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Đ đã nhận lại chiếc xe máy điện biên kiểm soát MĐ1 - 14079, ông Phan Lâm H đã nhận lại bộ ngũ sự bằng đồng và không có đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Trần Trọng H yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho anh số tiền 4.000.000 đồng mà anh H đã trả cho anh Trần Anh T. Anh Nguyễn Đức T yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.800.000 đồng anh T đã bỏ ra để mua bộ ngũ sự bằng đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Trần Trọng H và Nguyễn Đức T là có căn cứ và hợp pháp nên sẽ chấp nhận và buộc bị cáo Phạm Đức A có trách nhiệm trả lại cho anh Trần Trọng H số tiền 4.000.000 đồng và trả cho anh Nguyễn Đức T số tiền 1.800.000 đồng.

[6] Về án phí:

- Án phí hình sự: Bị cáo Phạm Đức A bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp án phí dân sự tương ứng với số tiền phải trả cho Trần Trọng H và anh Nguyễn Đức T, cụ thể: 4.000.000 đồng + 1.800.000 đồng = 5.800.000 đồng (dưới 6.000.000 đồng) = 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, Điều 30, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Đức A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Đức A 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 12 tháng 3 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Đức A phải trả lại cho anh Trần Trọng H số tiền 4.000.000 đồng và anh Nguyễn Đức T số tiền 1.800.000 đồng.

3. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Đức A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Đức A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Đức A được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Trần Thị Đ và ông Phan Lâm H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Trọng H và anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng

chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Toà án ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP. N;
- Công an TP. N;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Nguyên**